TOÀ ÁN NHÂN DÂN **T PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2018/DS-ST
Ny 30 tháng 10 năm 2018
"V/v Chia tài sản chung sau ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường;

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Phạm Xuân Thọ;

Bà Vũ Thị Kim Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hường Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án Nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2018, về việc "Chia tài sản chung sau ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77 /2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích N, sinh năm 1973;

Bị đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1966;

Đều có địa chỉ: Số 9, ngõ 2, phố C, phường N, T phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Nguyễn Văn M (đã chết);
- Cụ Nguyễn Thị P (tên gọi khác là Mậu), sinh năm 1928;

Địa chỉ: Số 9, ngõ 2, phố C, phường N, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Chùa B, phường T, quận Đ, T phố Hà Nội;

- Ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn H), sinh năm 1956;
- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1961;
- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1969;
- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971;
- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964;

Đều có địa chỉ: Số 9, ngõ 2, phố C, phường N, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ P, bà N, ông C, ông T1, ông T2, ông H: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 9, ngõ 2, phố C, phường N, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn ngày 29 tháng 6 năm 2018 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Bích N trình bày:

Bà và ông Ngô Văn T kết hôn năm 2002. Đến năm 2018, Tòa án nhân dân T phố Vĩnh Yên đã xử cho bà và ông T ly hôn theo bản án số 08/2018/ HNGĐ- ST ngày 30/3/2018. Về con chung bà trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Ngô Thanh X, sinh ngày 01/4/2004 và cháu Ngô Thanh M, sinh ngày 27/6/2007, ông T cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà là 1.000.000đ/ tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung; công nợ; công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hônbà và ông T mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau nên bà và 02 con phải đi thuê nhà khác để ở. Tài sản chung của bà và ông T gồm có: 01 ngôi nhà 3 tầng, xây năm 2011 trên diện tích đất 25 m^2, tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 04 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn M. Khi làm nhà, bố mẹ bà chỉ cho mượn đất chứ chưa cho đất và bà không có giấy tờ gì về việc bố mẹ bà tặng cho đất cho vợ chồng. Bố bà là ông Nguyễn Văn M đã chết tháng 4 năm 2011, khi chết không để lại di chúc gì.Nay bà yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà 3 tầng xây dựng trên diện tích của bố mẹ bà, bà xin được sử dụng căn nhà này để ở và nuôi con, bà nhất trí thanh toán cho ông T ½ giá trị căn nhà, bà tự định giá trị giá căn nhà là 200.000.000đ, bà sẽ thanh toán cho ông T 100.000.000đ.Khi nào cụ P và các anh em trong gia đình yêu cầu đòi lại đất thì bà sẽ trả lại.Về các tài sản khác là đồ dùng sinh hoạt bà và ông T tự phân chia không đề nghị giải quyết.Hiện nay ông T có nhà đất ở Hà Nội và đang cho thuê, đối với nhà đất này bà không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về công nợ và công sức: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngô Văn T trình bày:Ông xác nhận lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân và về con chung là đúng; về tài sản chung thì chưa được Tòa án giải quyết; về công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết. Nay ông xác nhận tài sản chung của ông và bà N gồm có: 01 nhà căn nhà 03 tầng, xây năm 2011 trên diện tích 25 m^2 đất, khi xây dựng nhà lúc đó ông M (bố bà N) còn sống có nói là cho ông, bà 25 m^2 đất để làm nhà nhưng chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ gì, ông M đã chết tháng 4/2011, ông không có giấy tờ gì chứng minh quyền sở hữu đối với diện tích 25 m^2 đất mà vợ chồng xây nhà ở. Hiện nay ông đang ở và quản lý, sử dụng căn nhà này, bà N cùng 02 con đang phải thuê nhà ở chỗ khác. Nay bà

N yêu cầu chia tài sản chung và đề nghị được sử dụng căn nhà đó ông không đồng ý, ông xin được sử dụng căn nhà trên để được gần gũi 2 con chung, ông sẽ thanh toán cho bà N ½ trị giá tài sản. Ông tự định giá căn căn nhà là 200.000.000đ. Về các tài sản là đồ dùng sinh hoạt ông bà tự phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông xác nhận là ông có nhà đất ở Hà Nội như bà N trình bày, nhưng nhà đất này là do bố mẹ ông để lại cho ông và ông không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về công nợ; công sức: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị N là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Cụ Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn H trình bày:

Năm 2011 vợ chồng bà N và ông T không có nhà phải đi thuê nhà để ở nên bố, mẹ tôi và các anh chị em trong gia đình có cho bà N, ông T mượn 25m^2 đất trong diện tích đất của gia đình để ông, bà làm nhà ở, khi đó chỉ nói bằng miệng là cho mượn đất, không có giấy tờ gì. Diện tích đất của bố mẹ bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số X 452150, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 01253 QSDĐ/1288/QĐ- UB do UBND thị xã V (Nay là Thành phố V), tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 12/12/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn M được sử dụng 516,7m^2. Năm 2010 hộ ông M đã tặng cho ông Nguyễn Văn C (là con trai) 131m^2, hiện nay trên đất có 05 ngôi nhà nhưng chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà N và ông T yêu cầu phân chia tài sản chung là căn nhà, bà không có ý kiến gì. Riêng đối với diện tích 25m^2 đất bà xác định là đất của cụ P và các anh em trong gia đình không phải là đất của bà N và ông T nên bà không đồng ý để bà N, ông T phân chia diện tích đất này mà yêu cầu bà N và ông T phải trả lại đất cho cụ P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất về trị giá ngôi nhà của bà N, ông T là 200.000.000đ và không đề nghị Tòa án phải định giá ngôi nhà này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Bích N vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Vĩnh Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 33, khoản 3 Điều 38 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 và

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí lệ phí; chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản chung của bà Nguyễn Bích N. Giao cho bà N quản lý sử dụng 01 nhà xây 3 tầng xây trên diện tích 25 m^2 đất, tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 04, đứng tên hộ ông Nguyễn Văn M. Bà N có trách nhiệm thanh toán chênh lệch về tài sản cho ông Ngô Văn T là 100.000.000đ. Về công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết; về án phí bà N và ông T phải chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản của mỗi bên được hưởng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Các đương sự nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết nên pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]Về tài sản chung của bà N và ông T thấy rằng: Ông, bà có tài sản chung là 01 nhà 3 tầng xây trên diện tích 25 m^2, xây dựng năm 2011 trên thửa đất số 152, tờ bản đồ số 04 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn M. Khi xây dựng nhà theo bà N là vợ chồng mượn đất của cụ M, còn ông T thì cho rằng được cụ M cho 25m^2 đất nhưng ông không cung cấp được giấy tờ gì để chứng minh. Ngoài ra ông T còn khai mua lại đất của ông T với số tiền 20.000.000đ. Tòa án đã lấy lời khai của ông T, ông trình bày diện tích đất là của cụ P và cụ M, hiện nay ông cũng đang ở nhờ đất của cụ P, nên việc ông T trình bày đưa cho ông 20.000.000đ thỏa thuận mua đất là không đúng. Vì vậy xác định tài sản chung của bà N và ông T là căn nhà 3 tầng xây dựng trên diện tích 25 m^2 đất đứng tên hộ ông Nguyễn Văn M có trị giá là 200.000.000đ.

Xét yêu cầu của bà N xin được sử dụng căn nhà thấy rằng: Theo bản án ly hôn của Tòa án bà nuôi 02 con chung của vợ chồng, do vợ chồng có mâu thuẫn nên bà phải đi thuê nhà để nuôi 02 con, trong khi đó ông T có nhà đất ở Hà Nội nhưng ông không ở. Về ngôi nhà của vợ chồng ông, bà xây dựng trên diện tích đất của bố mẹ bà N, ông bà chưa có giấy tờ gì chứng minh diện tích 25 m^2 đất là thuộc quyền sở hữu của vợ chồng. Nên cần giao cho bà N quản lý, sử dụng căn nhà 3 tầng trên, bà N có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho ông T ½ giá trị tài sản để ông T tạo lập chỗ ở mới. Khi nào cụ P và các anh em trong gia đình yêu cầu bà N

trả lại đất thì bà phải trả. Đối với nhà đất ở Hà Nội và một số tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, bà N, ông T không đề nghị phân chia nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày. Bà yêu cầu bà N, ông T phải trả lại đất cho cụ P và các anh chị em trong gia đình, bà sẽ đứng ra thanh toán giá trị ngôi nhà cho bà N, ông T, tuy nhiên bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Tòa án đã xác minh tại UBND phường N, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc được cung cấp nguồn gốc, diện tích đất bà N, ông T xây dựng nhà thuộc thửa số 152, tờ bản đồ số 4, diện tích 298,1m^2 (trong đó có 150m^2 đất ở và 148,1m^2 đất trồng cây lâu năm) đã được Ủy ban nhân dân thị xã V (Nay là T phố V) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01253/QSDĐ/1288/QĐUB mang tên hộ ông Nguyễn Văn M, ông M đã chết tháng 4 năm 2011. Hiện nay Ủy ban nhân dân phường N chưa nhận được văn bản gì về việc phân chia diện tích đất của hộ ông M chia cho các con, trong đó có 25m^2 đất bà N, ông T làm nhà ở. Vì vậy xác định diện tích đất bà N, ông T xây dựng nhà ở là đất của cụ P và các con của cụ P. Bà N, ông T không có bất cứ giấy tờ gì chứng minh quyền sở hữu đối với diện tích đất này. Về việc ông T trình bày, ông mua lại 5m^2 đất của ông T là không có căn cứ,vì toàn bộ diện tích đất này không phải là đất của ông T. Tòa án đã lấy lời khai của ông T, ôngxác nhận không nhận khoản tiền gì của ông T, hiện nay ông cũng đang ở nhờ đất của cụ P,ông chưa có giấy tờ gì về quyền sở hữu đối với diện tích đất. Bà N là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bà N, ông T phải trả lại 25 m^2 đất nhưng bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án, nên yêu cầu của bà không được Tòa án xem xét giải quyết.

[6] Về công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết theo nguyên tắc quyền quyết định và định đoạt của đương sự được quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Bà N, ông T phải chịu án phí phân chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 33, khoản 3 Điều 38, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

1.Xử:Chấp nhận yêu cầu khởi kiện vềchia tài sản chung của bà Nguyễn Bích N. Giao cho bà N quản lý, sử dụng 01 nhà 3 tầng xây dựng trên diện tích 25 m^2 đất,

tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 04 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn M. Bà Nguyễn Bích N có trách nhiệm thanh toán chênh lệch về tài sản cho ông Ngô Văn T là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Ngô Văn T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà N không thanh toán khoản tiền nêu trên cho ông Tthì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về công nợ; công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí phân chia tài sản: Bà Nguyễn Bích N phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ông Ngô Văn T phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Xác nhận bà N đã nộp 3.750.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0004438 ngày 04/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Vĩnh Yên, bà N còn phải nộp tiếp 1.250.000đ án phí phân chia tài sản.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân TP Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS T phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự trong vụ án;
- Ủy ban nhân dân phường Tích Sơn,
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Nguyễn Thị Đường